

Số: 07/2024/CBTT/TCT

Tây Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**
  - Mã chứng khoán: TCT
  - Địa chỉ: Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
  - Điện thoại liên hệ: (0276) 3823448 Fax: (0276) 3823448
  - E-mail: phongkinhdoanh@catour.com.vn
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2023
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/03/2024 tại đường dẫn: <https://www.catour.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**  
Báo cáo tài chính năm 2023

**Đại diện tổ chức**  
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Lê Phước Vinh**

# Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
(Đã được kiểm toán)



**Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh**

Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

---

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09-21

## **Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh**

Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900309621 cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 18 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch/Giám đốc
Ông Trịnh Văn Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Minh Nam	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



**Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh**

Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**Thay mặt Ban Giám đốc**



**Trần Trung Kiên**  
Giám đốc

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2024



Số: 210324.016/BCTC.FIS2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh được lập ngày 21 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC**

**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

**Nguyễn Phạm Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2893-2020-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>349.060.655.570</b>	<b>328.843.761.391</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>2.265.003.393</b>	<b>1.902.469.789</b>
111	1. Tiền		140.003.393	1.902.469.789
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.125.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>23.870.000.000</b>	<b>25.465.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	23.870.000.000	25.465.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>314.197.944.514</b>	<b>294.095.424.865</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		250.057.019	633.740.546
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		71.000.000	313.632.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	290.352.328.771	276.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	23.524.558.724	17.148.052.319
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>7.818.408.565</b>	<b>5.613.131.333</b>
141	1. Hàng tồn kho		7.818.408.565	5.613.131.333
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>909.299.098</b>	<b>1.767.735.404</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.666.664	142.855.207
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		907.632.434	790.443.256
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	-	834.436.941
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>12.615.616.759</b>	<b>14.286.609.428</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>11.911.409.189</b>	<b>13.963.388.210</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	11.911.409.189	13.963.388.210
222	- Nguyên giá		296.067.193.352	295.145.482.241
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(284.155.784.163)	(281.182.094.031)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		125.000.000	125.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(125.000.000)	(125.000.000)
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>704.207.570</b>	<b>323.221.218</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		704.207.570	323.221.218
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>361.676.272.329</b>	<b>343.130.370.819</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>30.448.453.991</b>	<b>23.856.713.842</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>30.448.453.991</b>	<b>23.856.713.842</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	21.415.820.904	14.466.980.599
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	4.675.612.370	6.020.649.697
314	3. Phải trả người lao động		1.927.745.195	2.902.200.086
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	2.104.514.073	116.872.578
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		11.318.183	11.318.183
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		62.590.849	64.232.032
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		250.852.417	274.460.667
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN</b>		<b>331.227.818.338</b>	<b>319.273.656.977</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>11</b>	<b>331.227.818.338</b>	<b>319.273.656.977</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		127.880.000.000	127.880.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		127.880.000.000	127.880.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		51.418.611.387	51.418.611.387
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		151.929.206.951	139.975.045.590
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		133.581.045.590	110.371.783.472
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		18.348.161.361	29.603.262.118
	<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>361.676.272.329</b>	<b>343.130.370.819</b>



**Trần Trung Kiên**  
Giám đốc

**Nguyễn Thành Đông**  
Kế toán trưởng

**Lâm Thị Ngọc Châu**  
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	14	43.115.305.850	63.675.301.181
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		43.115.305.850	63.675.301.181
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	15	35.306.349.830	36.803.869.269
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		7.808.956.020	26.871.431.912
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	24.240.425.376	22.947.523.058
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	17	4.601.994.195	8.379.084.331
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	4.447.794.399	4.200.555.033
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.999.592.802	37.239.315.606
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		-	171.637.958
40	13. Lợi nhuận khác		-	(171.637.958)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.999.592.802	37.067.677.648
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	4.651.431.441	7.464.415.530
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>18.348.161.361</u>	<u>29.603.262.118</u>
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	1.435	2.315



Trần Trung Kiên  
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu  
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2023  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>22.999.592.802</b>	<b>37.067.677.648</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định		2.951.081.882	5.032.525.514
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(24.240.425.376)	(22.775.885.100)
08	<b>3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.710.249.308</b>	<b>19.324.318.062</b>
09	Giảm/(Tăng) các khoản phải thu		1.508.480.579	(2.423.553.838)
10	(Tăng) hàng tồn kho		(2.205.277.232)	(4.742.095.477)
11	Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		7.612.534.088	6.730.061.167
12	(Tăng) chi phí trả trước		(239.797.809)	(390.268.372)
15	Thuế TNDN đã nộp		(5.947.251.530)	(1.806.377.752)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.000.000)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.437.937.404</b>	<b>16.692.083.790</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(696.813.600)	(672.534.395)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(50.870.000.000)	(258.980.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		52.465.000.000	193.120.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia		3.420.409.800	15.660.471.378
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư</b>		<b>4.318.596.200</b>	<b>(50.872.063.017)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(6.394.000.000)	(6.394.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>(6.394.000.000)</b>	<b>(6.394.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>362.533.604</b>	<b>(40.573.979.227)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.902.469.789	42.476.449.016
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>2.265.003.393</u>	<u>1.902.469.789</u>



Trần Trung Kiên  
Giám đốc

Nguyễn Thành Đông  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Châu  
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2023

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu**

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh là Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900309621 cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 18 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Núi Bà Đen, Khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.880.000.000 VND, tương đương 12.788.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 30 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 36 người).

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính**

Trong năm, Công ty vẫn tiếp tục kinh doanh vận chuyển du khách, hàng hóa, vật tư bằng phương tiện cáp treo; máng trượt và các dịch vụ khác

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đúng theo mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng của tài sản cố định, công cụ dụng cụ;
- Ước tính về thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước.



Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

## **2.4 Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và để bán hàng tồn kho đó.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.  
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.8 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:



▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
▶ Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
▶ Phương tiện vận tải	06 năm
▶ Thiết bị quản lý	03 - 09 năm
▶ Tài sản cố định khác	04 - 09 năm
▶ Phần mềm bán vé điện tử	03 năm

## 2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 05 tháng đến 12 tháng.

## 2.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền nhận trước của khách hàng cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ quảng cáo, cho thuê địa điểm. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

## 2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## **2.15 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.16 Giá vốn dịch vụ cung cấp**

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## **2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## **2.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## **2.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;



- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.20 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chiếm phần lớn tổng doanh thu của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt tại khu vực Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	29.754.792	634.382.000
Tiền gửi ngân hàng	110.248.601	1.268.087.789
Các khoản tương đương tiền (i)	2.125.000.000	-
	<b>2.265.003.393</b>	<b>1.902.469.789</b>

- (i) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được gửi tại ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 3,65%/năm.

## 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2023, "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" có giá trị 23.870.000.000 VND là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,4%/năm đến 7,75%/năm.

## 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho vay các tổ chức với mục đích tối ưu nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của bên đi vay, phù hợp với quy định pháp luật với thời hạn và lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ và phụ lục điều chỉnh

## 6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23.494.558.724	17.026.871.919
Tạm ứng	30.000.000	121.180.400
	<b>23.524.558.724</b>	<b>17.148.052.319</b>

## 7. Hàng tồn kho

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.502.539.939	3.831.246.907
Công cụ, dụng cụ	4.315.868.626	1.781.884.426
	<b>7.818.408.565</b>	<b>5.613.131.333</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2023	68.675.794.068	209.114.680.607	2.794.211.455	12.402.921.269	2.157.874.842	295.145.482.241
Xây dựng cơ bản hoàn thành	921.711.111	-	-	-	-	921.711.111
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>69.597.505.179</b>	<b>209.114.680.607</b>	<b>2.794.211.455</b>	<b>12.402.921.269</b>	<b>2.157.874.842</b>	<b>296.067.193.352</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2023	58.260.009.532	208.218.330.176	2.781.040.539	9.872.700.294	2.050.013.490	281.182.094.031
Khấu hao TSCĐ kinh doanh	743.124.526	790.846.876	5.853.740	1.303.395.388	107.861.352	2.951.081.882
Khấu hao TSCĐ nguồn phúc lợi	22.608.250	-	-	-	-	22.608.250
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>59.025.742.308</b>	<b>209.009.177.052</b>	<b>2.786.894.279</b>	<b>11.176.095.682</b>	<b>2.157.874.842</b>	<b>284.155.784.163</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2023	10.415.784.536	896.350.431	13.170.916	2.530.220.975	107.861.352	13.963.388.210
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>10.571.762.871</b>	<b>105.503.555</b>	<b>7.317.176</b>	<b>1.226.825.587</b>	<b>-</b>	<b>11.911.409.189</b>

► Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 266.489.295.101 VND.

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi nhánh Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc tại Hòn Thơm	6.488.100.000	6.488.100.000	6.488.100.000	6.488.100.000
Công ty TNHH Cung ứng hàng hóa Phương Nam	6.346.274.749	6.346.274.749	1.071.459.750	1.071.459.750
Công ty TNHH Tập đoàn Sun World	2.299.506.000	2.299.506.000	2.176.196.700	2.176.196.700
Công ty TNHH Cung ứng hàng hóa Thăng Long	1.410.600.473	1.410.600.473	2.410.600.473	2.410.600.473
Khác	4.871.339.682	4.871.339.682	2.320.623.676	2.320.623.676
	<b>21.415.820.904</b>	<b>21.415.820.904</b>	<b>14.466.980.599</b>	<b>14.466.980.599</b>
<b>Trong đó, phải trả người bán là bên liên quan</b> <i>(Thuyết minh số 23)</i>	<b>79.841.958</b>	<b>79.841.958</b>	<b>475.446.299</b>	<b>475.446.299</b>



**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023		Năm 2023		31/12/2023
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.867.407.653	1.867.407.653	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.946.665.530	4.651.431.441	5.947.251.530	4.650.845.441
Thuế thu nhập cá nhân	-	18.405.018	330.066.077	338.327.270	10.143.825
Tiền thuế đất	834.436.941	-	2.604.594.133	1.770.157.192	-
Các khoản phải nộp khác	-	55.579.149	453.935.683	494.891.728	14.623.104
	<b>834.436.941</b>	<b>6.020.649.697</b>	<b>9.907.434.987</b>	<b>10.418.035.373</b>	<b>4.675.612.370</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**11. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>127.880.000.000</b>	<b>51.418.611.387</b>	<b>116.765.783.472</b>	<b>296.064.394.859</b>
Lợi nhuận năm trước	-	-	29.603.262.118	29.603.262.118
Chia cổ tức	-	-	(6.394.000.000)	(6.394.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>127.880.000.000</b>	<b>51.418.611.387</b>	<b>139.975.045.590</b>	<b>319.273.656.977</b>
Lợi nhuận năm nay	-	-	18.348.161.361	18.348.161.361
Chia cổ tức (i)	-	-	(6.394.000.000)	(6.394.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>127.880.000.000</b>	<b>51.418.611.387</b>	<b>151.929.206.951</b>	<b>331.227.818.338</b>

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ/TCT ngày 21/06/2023, Công ty công bố việc chia cổ tức năm 2022 là 6.394.000.000 VND tương ứng tỷ lệ 5% trên vốn điều lệ.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty CP Du lịch và Thương mại Tây Ninh	65.220.800.000	51,00	65.220.800.000	51,00
Công ty Bảo Việt Nhân thọ Tây Ninh	12.000.000.000	9,38	12.000.000.000	9,38
Tập đoàn Bảo Việt	8.459.600.000	6,62	8.459.600.000	6,62
Nhà đầu tư khác	42.199.600.000	33,00	42.199.600.000	33,00
	<b>127.880.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>127.880.000.000</b>	<b>100,00</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	127.880.000.000	127.880.000.000
- Vốn góp cuối năm	127.880.000.000	127.880.000.000
Cổ tức:		
- Cổ tức phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức phải trả trong năm	6.394.000.000	6.394.000.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	6.394.000.000	6.394.000.000
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền	6.394.000.000	6.394.000.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	6.394.000.000	6.394.000.000
- Số dư cuối năm	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.788.000	12.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.788.000	12.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo trì hệ thống cáp	1.998.560.031	-
Khác	105.954.042	116.872.578
	<b>2.104.514.073</b>	<b>116.872.578</b>

### 13. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký 02 (hai) hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 01/05/HĐ-TĐ ngày 08/05/2009 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 28/05/PK HĐ-TĐ ngày 23/9/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2009.
- ▶ Hợp đồng thuê đất số 05/05/HĐ-TĐ.ĐC ngày 26/05/2008 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 22/9/PK HĐ-TĐ ngày 17/09/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và tại xã Thạch Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê 50 năm từ năm 2007.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### 14. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu</b>		
Dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt	41.313.031.248	62.051.603.877
Dịch vụ khác	1.802.274.602	1.623.697.304
	<b>43.115.305.850</b>	<b>63.675.301.181</b>
<b>Trong đó, doanh thu với bên liên quan</b> <i>(Thuyết minh số 23)</i>	<b>594.323.211</b>	<b>536.110.480</b>

### 15. Giá vốn dịch vụ cung cấp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Dịch vụ vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt	34.509.632.985	36.032.325.346
Dịch vụ khác	796.716.845	771.543.923
	<b>35.306.349.830</b>	<b>36.803.869.269</b>
<b>Trong đó, giá vốn với bên liên quan</b> <i>(Thuyết minh số 23)</i>	<b>10.474.774.147</b>	<b>11.427.012.937</b>

### 16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	24.240.425.376	22.947.523.058
	<b>24.240.425.376</b>	<b>22.947.523.058</b>



**17. Chi phí bán hàng**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	17.900.000	139.874.518
Chi phí khấu hao TSCĐ	216.712.870	216.712.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.367.381.325	8.022.496.944
	<b>4.601.994.195</b>	<b>8.379.084.331</b>

**18. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	3.301.023.399	3.038.588.981
Chi phí khấu hao TSCĐ	314.312.639	373.268.713
Chi phí dịch vụ mua ngoài	683.248.156	647.811.526
Chi phí bằng tiền khác	149.210.205	140.885.813
	<b>4.447.794.399</b>	<b>4.200.555.033</b>

**19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>22.999.592.802</b>	<b>37.067.677.648</b>
Các khoản điều chỉnh tăng: <i>Chi phí không được trừ</i>	257.564.400	254.400.000
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>23.257.157.202</b>	<b>37.322.077.648</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm</b>	<b>4.651.431.441</b>	<b>7.464.415.530</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	5.946.665.530	288.627.752
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(5.947.251.530)	(1.806.377.752)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>4.650.845.441</b>	<b>5.946.665.530</b>

**20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	18.348.161.361	29.603.262.118
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.348.161.361	29.603.262.118
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.788.000	12.788.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.435</b>	<b>2.315</b>

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	3.014.435.888	3.283.168.464
Chi phí nhân công	9.979.445.540	11.213.225.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.951.081.882	5.032.525.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.218.889.227	27.091.482.834
Chi phí khác bằng tiền	3.192.285.887	2.763.106.285
	<b>44.356.138.424</b>	<b>49.383.508.633</b>

**22. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**23. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>594.323.211</b>	<b>536.110.480</b>
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	594.323.211	536.110.480
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		<b>10.474.774.147</b>	<b>11.427.012.937</b>
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	10.474.774.147	11.427.012.937
<b>Trả cổ tức</b>		<b>3.261.040.000</b>	<b>3.261.040.000</b>
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	3.261.040.000	3.261.040.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>79.841.958</b>	<b>475.446.299</b>
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	79.841.958	475.446.299
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		<b>2.772.000</b>	<b>404.069.251</b>
Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	Công ty mẹ	2.772.000	404.069.251

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	74.400.000	74.400.000
Ông Trần Trung Kiên	787.446.574	613.694.517
Ông Trịnh Văn Hà	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	60.000.000	30.000.000
Ông Trần Ngọc Sơn	60.000.000	30.000.000
Ông Võ Trần Chí Thịnh	-	30.000.000
Ông Đặng Tấn Tài	-	30.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	288.000.000	288.000.000
	<b>1.329.846.574</b>	<b>1.156.094.517</b>

#### 24. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

#### 25. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 21 tháng 03 năm 2024.



**Trần Trung Kiên**  
Giám đốc

**Nguyễn Thành Đông**  
Kế toán trưởng

**Lâm Thị Ngọc Châu**  
Người lập biểu

Tây Ninh, ngày 21 tháng 03 năm 2024